

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 18/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạch

Bà Trần Thị Cúc

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn T, sinh năm 2000, tại T. Trú tại: Ấp 5, xã L, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn V, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1984; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, ngày 26/8/2019 bị UBND xã Long Trung, huyện Cai Lay ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 26/11/2019. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2020, chuyển tạm giam từ ngày 04/8/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay (có mặt).

2. Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm: 1997, tại T. Trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 và bà Châu Thị Bé S, sinh năm 1967; Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có chồng con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2020, chuyển tạm giam từ ngày 04/8/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay, (có mặt).

Người bị hại: Bà **Viếp Thị Mỹ D**, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

2. Ông **Đặng Văn V**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 16, xã L, huyện C, tỉnh T.

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn T và Nguyễn Thị Trúc M thuê nhà trọ sống chung với nhau như vợ chồng. Khoảng 15 giờ ngày 04/01/2020, M điều khiển xe gắn máy biển số 63AM - 009.73 (do Nguyễn Thị Cẩm T (em ruột M) đứng tên) chở T đến cửa hàng bán tạp hóa của bà Việp Thị Mỹ D. Do T biết bà D thường xuyên để tiền trong túi áo để thối lại cho khách nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên rủ M cùng thực hiện. Khi đến cửa hàng, M vẫn khởi động máy xe đợi sẵn, T vào bên trong cửa hàng mua 01 gói thuốc hút hiệu Jet, T đưa bà D số tiền 50.000 đồng và đợi bà D vừa lấy cọc tiền từ trong túi áo ra cầm trên tay để thối lại thì dùng tay trái giật lấy toàn bộ số tiền của bà D và chạy nhanh ra, lên xe M chở, cả hai cùng chạy thoát. Số tiền mà T giật được trên tay bà D khoảng 4.000.000 đồng, T và M tiêu xài cá nhân hết, đến ngày 28/7/2020 thì bị phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe gắn máy cùng giấy chứng nhận đăng ký biển số kiểm soát 63AM - 009.73 do Nguyễn Thị Cẩm T đứng tên; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Itel màu hồng (bị bể màn hình).

Đối với xe gắn máy biển số 63AM - 009.73, chị Nguyễn Thị Cẩm T xác nhận đã tặng cho Nguyễn Thị Trúc M nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Việc M sử dụng xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản chị T không biết nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đặng Văn V là cha ruột bị cáo Đặng Văn T đã tự nguyện bồi thường cho bà Việp Thị Mỹ D số tiền 4.500.000 đồng. Bà D đã làm đơn bãi nại cho T, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSCL ngày 20/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố Đặng Văn T và Nguyễn Thị Trúc M về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Khoảng 15 giờ ngày 04/01/2020, tại cửa hàng tạp hóa của bà Việp Thị Mỹ D ở Ấp 6, xã L, huyện C, tỉnh T, T đã cướp giật của bà D số tiền khoảng 4.000.000 đồng rồi bỏ chạy lên xe gắn máy do M đang chờ sẵn và nhanh chóng chạy thoát. Lời khai nhận của hai bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định quyết định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, là một trong những khách thể mà pháp luật hình sự bảo vệ mà còn góp phần gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo đều biết rất rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị phát luật trừng trị nghiêm khắc, nhưng do tham lam, cần tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên các bị cáo đã bất chấp, cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong vụ án này, bị cáo T thể hiện vai trò chính, bị cáo là người kêu bị cáo M dừng xe và vào tiệm chị Dung để cướp giật tài sản nên bị cáo là người thực hành tích cực. Đối với bị cáo M khi nghe bị cáo T gợi ý, bị cáo có phản đối nhưng khi thấy bị cáo T đi vào tiệm thì cũng để máy xe và chờ bị cáo T trốn thoát nên cũng được xem như là đồng phạm với vai trò là người giúp sức. Mặc dù là đồng phạm nhưng các bị cáo thực hiện một cách giản đơn, không có thông mưu trước, tức là không có sự thỏa thuận, bàn bạc trước với nhau về việc cùng thực hiện một tội phạm nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng cho từng bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Trong phần xét hỏi và tranh luận, các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cũng đã làm rõ hơn động cơ, mục đích và hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã lợi dụng mất cảnh giác của chủ sở hữu, cố ý chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Cả hai bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, đều khai mục đích cướp giật tài sản là để tiêu xài cá nhân. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T khai nhận sử dụng ma túy từ năm 2018 đến nay, ngày 26/8/2019 bị UBND xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 26/11/2019, đến ngày 04/01/2020 thì thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo có nhân thân xấu. Tuy nhiên, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã được gia đình bồi thường dưới sự tác động tích cực của bị cáo và người bị hại cũng có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo M có ông ngoại là liệt sĩ và đề nghị xử phạt bị cáo T mức án tù 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù; Xử phạt bị cáo M từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù. Tịch thu 01 xe gắn máy cùng giấy chứng nhận xe biển số kiểm soát 63AM-009.73 do Nguyễn Thị Cẩm T đứng tên; Trả lại cho bị cáo M 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu IteL màu hồng (bị bể màn hình).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xử lý vật chứng: Xét thấy, xe gắn máy biển số kiểm soát 63AM-009.73 do chị T tặng cho bị cáo M nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bị cáo sử dụng xe

làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe do Nguyễn Thị Cẩm T đứng tên. Đối với điện thoại di động OPPO màu đỏ và điện thoại IteI màu hồng (bị bể màn hình) là tài sản riêng của bị cáo M không dùng vào việc phạm tội nên được trả lại.

[6] Án phí: Bị cáo Đặng Văn T và Nguyễn Thị Trúc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T và Nguyễn Thị Trúc M phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc M 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2020.

2. Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 xe gắn máy biển số kiểm soát 63AM-009.73 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe do Nguyễn Thị Cẩm T đứng tên.

Trả lại cho bị cáo M 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, 01 điện thoại di động hiệu IteI màu hồng (bị bể màn hình).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Đặng Văn T và Nguyễn Thị Trúc M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CQTHAHS CA huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phượng